

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK
Bản án số: 16/2017/HSST
Ngày 28/6/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

*** Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Chung.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Dương Điền

2. Ông Nguyễn Đình Danh.

*** Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Mỹ Hạnh- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Minh – Kiểm sát viên.

Ngày 28/6/2017, tại Phòng xử án A- Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2017/HSST ngày 12 tháng 5 năm 2017 đối với bị cáo:

Họ và tên: **ĐỖ TRẦN TRI T**. Sinh năm: 1980, tại tỉnh Quảng Nam;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn P, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;

Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Công nhân; Dân tộc: Kinh;

Con ông: Đỗ Minh T, sinh năm 1950 (đã chết) và con bà: Trần Thị N, sinh năm 1956;

Vợ là: Đỗ Thị N, sinh năm 1979 và có 04 con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2014; hiện cư trú tại thôn P, xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú – *Có mặt*.

*** Người bị hại:**

1./ Ông Trần Anh D (đã chết)

Người đại diện của gia đình bị hại D: Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1959.

Trú tại: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2./ Ông Võ G, sinh năm 1986

Người đại diện theo ủy quyền của bị hại G: Ông Võ O, sinh năm 1970

Cùng trú tại: Thôn 2, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

*** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan:**

1./ Công ty TNHH Xây dựng thương mại - Dịch vụ X

Đại diện theo pháp luật: Ông Trương Công N, sinh năm 1966 – Chức vụ: Giám đốc Công ty

Địa chỉ: đường Nguyễn Thị M, phường H, quận C, Tp. Đà Nẵng (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2./ Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1959

Trú tại: Buôn E, xã B, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (*Có đơn xin xét xử vắng mặt*).

*** Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1987

Trú tại: Thôn L, xã H, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam (*Vắng mặt*).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Đỗ Trần Tri T bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 01/12/2016, Đỗ Trần Tri T (có giấy phép lái xe ô tô hạng B2) điều khiển xe ô tô loại 07 chỗ ngồi, biển số X2 là xe của Công ty TNHH Xây dựng thương mại- Dịch vụ X chở theo Nguyễn Văn N ngồi ở ghế phụ, đi từ hướng huyện L lên thành phố B với tốc độ khoảng 50- 55km/h, mật độ phương tiện lưu thông vắng. Khi đi đến đoạn đường Km 16+500 Quốc lộ A thuộc địa phận thôn N, xã D, huyện C, do T đi không đúng phần đường quy định nên đã tông vào xe mô tô biển số X1 do ông Trần Anh D điều khiển, chở phía sau là ông Võ G đi theo chiều ngược lại. Hậu quả làm ông D tử vong tại chỗ, ông G bị thương phải đi cấp cứu tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Đắk Lắk.

Tại Bản kết luận Pháp y tử thi số 17/PY-T.Th ngày 22/12/2016 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: nguyên nhân tử vong của ông Trần Anh D là choáng đa chấn thương/TNGT.

Đối với thương tích của ông Võ G, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã giải thích, động viên, thuyết phục ông G phối hợp để đi giám định thương tích nhưng ông G không hợp tác, không đồng ý đi khám giám định. Vì vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trưng cầu giám định thương tích của ông G qua hồ sơ bệnh án.

Tại Bản kết luận Pháp y thương tích số 160/PY-TgT ngày 18/01/2017 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận về thương tích của ông Võ G là: *“Trưởng hợp trên vắng mặt nạn nhân, nên không khám thương tích trực tiếp, do đó không đủ điều kiện để giám định tỷ lệ thương tích”*.

Ngày 14/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C tiếp tục trưng cầu Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng giám định tỷ lệ thương tích của ông Võ G.

Ngày 17/3/2017, Phân viện Khoa học hình sự Bộ Công an tại thành phố Đà Nẵng có Công văn số 46/CV-C54C(Đ5) về việc từ chối giám định, đã nêu: “*Trong giám định thương tích trên người sống thì anh Võ G cần có mặt ở nơi giám định để khám giám định. Do anh Võ G không đến khám giám định, nên Phân viện Khoa học hình sự tại thành phố Đà Nẵng không thể giám định nên không có cơ sở đưa ra kết luận giám định*”.

Tại Biên bản khám nghiệm hiện trường vào lúc 20 giờ 15 phút ngày 01/12/2016 thể hiện: Hiện trường của vụ tai nạn giao thông là đoạn đường thuộc Km 16+500 Quốc lộ A, thuộc địa phận thôn N, xã D, huyện C. Đường thẳng, mặt đường trải bê tông nhựa rộng 12 mét 85, hai bên có lề đường, mỗi bên rộng 01 mét, tầm nhìn về hai hướng trên đoạn đường không bị hạn chế; không có chướng ngại vật cố định trên đường, giữa mặt đường có vạch sơn trắng kẻ đứt quãng chia mặt đường thành hai phần đường xe chạy ngược chiều nhau, hai bên đường không có hệ thống đèn chiếu sáng công cộng cũng như biển báo hiệu đường bộ.

Lấy trụ điện số T504/12A nằm bên phải đường theo hướng đường đi từ thành phố B về huyện L làm mốc cố định, lấy mép đường nhựa bên phải theo hướng đi từ thành phố B về huyện L làm mép đường chuẩn để đo các dấu vết, phương tiện để lại trên hiện trường. Vùng va chạm được xác định nằm trên phần đường bên phải (hướng đi từ thành phố B về huyện L) ký hiệu là Vvc trong sơ đồ hiện trường. Đo từ tâm của vùng va chạm vào mép đường chuẩn là 06 mét, cách đầu V1 (lùi về hướng đường đi huyện L) là 0 mét 90.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 04/KL-HĐĐG ngày 08/02/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện C kết luận: Tại thời điểm ngày 01/12/2016, giá trị thiệt hại của xe ô tô Ford loại Everest UV9G là: 36.638.000đ, của xe mô tô Wave RSX là: 3.410.000đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã tạm giữ các vật chứng của vụ án, gồm: 01 xe mô tô biển số X1 và 01 xe ô tô biển số X2 để phục vụ công tác điều tra.

Sau khi tai nạn bị cáo đã bồi thường cho đại diện gia đình bị hại Trần Anh D số tiền 120.000.000đ; bồi thường cho người bị hại Võ G số tiền 90.000.000đ. Hiện nay đại diện của người bị hại không có yêu cầu gì thêm, đã làm đơn bãi nại cho bị cáo.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 5 năm 2017 Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố bị cáo Đỗ Trần Tri T về tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*” theo khoản 1 Điều 202 BLHS.

Tại phiên tòa, bị cáo Đỗ Trần Tri T khai: Vào khoảng 19 giờ ngày 01/12/2016, bị cáo điều khiển xe ô tô biển số X2 đi từ hướng từ huyện L lên thành phố B với tốc độ 50-55km/h. Khi đi đến đoạn đường Km 16+500 Quốc lộ A, thuộc địa phận thôn N, xã D, huyện C bị cáo phát hiện phía trước ngược chiều có xe mô tô biển số X1 do ông Trần Anh D chở theo ông Võ G đi lấn sang phần đường của bị cáo, cho rằng xe này rẽ sang đường nên bị cáo điều khiển xe sang bên trái theo hướng đi để tránh nhưng sau đó ông D lại điều khiển xe mô tô về lại làn đường theo hướng đi ban đầu. Do khoảng cách quá gần bị cáo không kịp xử lý nên đã tông vào xe mô tô, bị cáo đánh tay lái sang trái để xe chạy tiếp khoảng 10 mét thì dừng

lại. Hậu quả làm ông D chết, ông G bị thương tích, xe ô tô bị thiệt hại 36.638.000đ, xe mô tô bị thiệt hại 3.410.000đ.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo Cáo trạng số: 15/CT-VKS-HS ngày 12 tháng 5 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Qua phân tích, đánh giá tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra, đồng thời đề cập các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, đề nghị HĐXX:

Căn cứ Điều 202 BLHS tuyên bố bị cáo Đỗ Trần Tri T phạm tội “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Phạt bị cáo Đỗ Trần Tri T mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 03 năm đến 04 năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

* Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 5 Điều 202 BLHS

Cấm bị cáo hành nghề lái xe ô tô trong thời hạn 01 năm tính từ ngày chấp hành xong hình phạt tù.

* Về vật chứng của vụ án: Căn cứ Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin đã trả lại chiếc xe ô tô biển số X2 cho ông Vũ Minh Q đại diện Công ty TNHH Xây dựng thương mại - Dịch vụ X và xe mô tô biển số X1 cho bà Huỳnh Thị T (vợ của bị hại Trần Anh D) là các chủ sở hữu nhận sử dụng.

Tiếp tục tạm giữ 01 giấy phép lái xe cơ giới hạng B2 mang tên Đỗ Trần Tri T do Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23/3/2012 chờ xử lý.

* Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 42 Bộ luật hình sự; Điều 584, 585, 590, 591 Bộ luật dân sự 2015.

Chấp nhận việc bị cáo Đỗ Trần Tri T đã thỏa thuận bồi thường cho đại diện gia đình người bị hại Trần Anh D số tiền 120.000.000đ và người bị hại Võ G số tiền 90.000.000đ. Hiện nay đại diện cho gia đình bị hại Trần Anh D và ông Võ G không yêu cầu bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng trên cơ sở xem xét toàn diện và đầy đủ chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

XÉT THẤY:

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường vụ tai nạn giao thông và các tài liệu, chứng cứ khác thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy có đủ căn cứ kết luận: Vào khoảng 19 giờ 00 phút ngày 01/12/2016, Đỗ Trần Tri T điều khiển xe ô tô biển số

X2 đi từ hướng từ huyện L lên thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Khi đi đến đoạn đường Km 16+500 Quốc lộ A thuộc địa phận thôn N, xã D, huyện C bị cáo không đi đúng phần đường quy định nên đã tông vào xe mô tô biển số X1 do ông Trần Anh D điều khiển chở phía sau là ông Võ G, đi theo chiều ngược lại. Hậu quả làm ông D tử vong tại chỗ, ông Võ G bị thương tích.

Hành vi của bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin truy tố về tội *“Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ”* theo khoản 1 Điều 202 BLHS là có căn cứ pháp luật.

Khoản 1 Điều 202 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào điều khiển phương tiện giao thông đường bộ mà vi phạm quy định về an toàn giao thông đường bộ gây thiệt hại cho tính mạng hoặc gây thiệt hại nghiêm trọng cho sức khỏe, tài sản của người khác, thì bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.”

Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm quy tắc an toàn giao thông, không đi đúng phần đường quy định tại khoản 11 Điều 8 Luật giao thông đường bộ, làm thiệt hại tính mạng của ông Trần Anh D, gây thương tích cho sức khỏe của ông Võ G đồng thời tác động xấu đến trật tự an toàn giao thông tại địa phương nên cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương ứng với tính chất, mức độ do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra để cải tạo, giáo dục riêng đồng thời răn đe, phòng ngừa chung trong đời sống xã hội về loại tội phạm này.

Tuy nhiên, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã khai báo thành khẩn, tích cực kịp thời bồi thường thiệt hại cho gia đình các bị hại, được đại diện gia đình bị hại bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo có nhân thân tốt, hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn được UBND xã N xác nhận nên cần xem xét áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS.

Ngoài ra trong vụ án này cũng cần xem xét một phần lỗi của bị hại dẫn đến vụ tai nạn, vì quá trình điều tra bị cáo, ông G và đại diện gia đình bị hại D là bà T xác định: bị hại D điều khiển xe mô tô sau khi sử dụng rượu bia, không đi đúng phần đường quy định dẫn đến việc bị cáo phải lách sang bên trái đường để tránh nên mới va chạm với xe của bị hại.

Xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS; có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng, ổn định nên theo quy định tại Điều 2 Nghị quyết số: 01/2013/NQ-HĐTP ngày 06/11/2013 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho tự cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát, giáo dục của chính quyền địa phương và sự phối hợp của gia đình cũng đủ tác dụng giáo dục, răn đe bị cáo trở thành người công dân có ích cho xã hội, không gây ảnh hưởng xấu đến công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm, vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật vừa thể hiện tính khoan hồng nhân đạo của Nhà nước ta.

Xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ và hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra nên cần chấp nhận.

Đối với thương tích của ông Võ G, do ông G từ chối đi giám định nên không có căn cứ để kết luận về tỷ lệ thương tích. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

*** Về hình phạt bổ sung:** Xét bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn nuôi 04 con nhỏ, nghề nghiệp chủ yếu là nhân viên lái xe của Công ty TNHH Xây dựng thương mại - Dịch vụ X; hơn nữa tai nạn xảy ra là ngoài ý thức của bị cáo, bị hại cũng có một phần lỗi nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung cấm hành nghề lái xe ô tô đối với bị cáo.

*** Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc xe ô tô biển số X2 cho ông Vũ Minh Q đại diện Công ty TNHH Xây dựng thương mại- Dịch vụ X và trả chiếc xe mô tô biển số X1 cho bà Huỳnh Thị T là vợ của bị hại Trần Anh D nhận sử dụng là phù hợp, cần chấp nhận.

Tuyên trả cho bị cáo Đỗ Trần Tri T 01 giấy phép lái xe cơ giới hạng B2 số AU 420490 do Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23/3/2012 mang tên Đỗ Trần Tri T (hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các điều 604, 605, 606, 608, 609, 610 Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận việc bị cáo Đỗ Trần Tri T đã thỏa thuận bồi thường cho đại diện gia đình người bị hại Trần Anh D số tiền 120.000.000đ gồm chi phí mai táng 70.000.000đ, tổn thất về tinh thần 35.000.000đ, tiền sửa xe 15.000.000đ và bồi thường cho người bị hại Võ G số tiền 90.000.000đ gồm chi phí điều trị 10.000.000đ, bồi dưỡng sức khỏe 21.000.000đ, tổn thất tinh thần 50.000.000đ, tiền mất thu thập trong thời gian điều trị 4.500.000đ, tiền công người chăm sóc 4.500.000đ. Xét các chi phí này đều không có hóa đơn chứng từ và vượt quá quy định pháp luật nhưng các đương sự tự nguyện thỏa thuận với nhau, hiện nay đại diện của các bị hại không yêu cầu bồi thường gì thêm nên ghi nhận sự thỏa thuận trên.

Đối với thiệt hại của xe ô tô biển số X2 ông Trương Công N đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng thương mại - Dịch vụ X không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

*** Về án phí:** Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Đỗ Trần Tri T phạm tội: “*Vi phạm quy định về điều khiển phương tiện giao thông đường bộ*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 202; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1, khoản 2 Điều 60 BLHS.

Xử phạt bị cáo Đỗ Trần Tri T **01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo**, thời gian thử thách là 03 (ba) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Đỗ Trần Tri T cho UBND xã N, thị xã Đ, tỉnh Quảng Nam giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo Đỗ Trần Tri T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

*** Về vật chứng của vụ án:** Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc xe ô tô biển số X2 cho ông Vũ Minh Q đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Xây dựng thương mại - Dịch vụ X và xe mô tô biển số 47T1- 206.01 cho bà Huỳnh Thị T nhận sử dụng.

Tuyên trả cho bị cáo Đỗ Trần Tri T 01 giấy phép lái xe cơ giới hạng B2 số AU 420490 do Sở Giao thông vận tải thành phố Đà Nẵng cấp ngày 23/3/2012 mang tên Đỗ Trần Tri T (hiện đang lưu giữ trong hồ sơ vụ án).

*** Về trách nhiệm dân sự:** Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự; các điều 604, 605, 606, 608, 609, 610 Bộ luật dân sự 2005.

Chấp nhận việc bị cáo Đỗ Trần Tri T tự nguyện thỏa thuận và đã thực hiện việc bồi thường khắc phục xong toàn bộ thiệt hại của vụ án cho đại diện gia đình người bị hại Trần Anh D số tiền 120.000.000đ (*một trăm hai mươi triệu đồng*) và bồi thường cho người bị hại ông Võ G số tiền 90.000.000đ (*chín mươi triệu đồng*). Gia đình các bị hại xác định không còn yêu cầu nào khác về trách nhiệm dân sự trong vụ án nên công nhận sự tự nguyện thỏa thuận nêu trên.

Đối với thiệt hại của xe ô tô biển số X2 ông Trương Công N đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Xây dựng thương mại - Dịch vụ X không yêu cầu bồi thường nên không xem xét.

*** Về án phí HSST:** Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Đỗ Trần Tri T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm có mặt bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ khi tuyên án.

Đại diện bị hại và gia đình bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Công an huyện C;
- THADS huyện C;
- Sở tư pháp;
- Phòng HSNVCSCA Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

NGUYỄN THÀNH CHUNG